

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HỒ CHÍ MINH**

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

PHÙNG THỊ HÀ

**ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG
LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG
TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020**

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Mã số: 922 90 15

HÀ NỘI – 2026

**Công trình này được hoàn thành tại
Học viện Báo chí và tuyên truyền**

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. PGS, TS. Trần Trọng Thơ**
- 2. TS. Vũ Thị Duyên**

Chủ tịch hội đồng

Phản biện 1

Phản biện 2

Phản biện 3

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp
Học viện Báo chí và Tuyên Truyền**

**Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện: Thư viện Quốc gia,
Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên Truyền**

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Kết cấu hạ tầng (KCHT) là nền tảng vật chất - kỹ thuật quan trọng, giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển của mỗi quốc gia và địa phương. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, KCHT không chỉ bảo đảm cho hoạt động sản xuất, lưu thông diễn ra thông suốt mà còn tạo lập không gian phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và góp phần thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Trình độ và tính đồng bộ của KCHT cũng phản ánh năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực hiện của hệ thống chính trị, vì vậy phát triển KCHT luôn gắn với vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

Trong quá trình đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam nhất quán xác định phát triển KCHT là một trong những đột phá chiến lược. Đại hội XI, XII của Đảng và Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/01/2012 về xây dựng hệ thống KCHT đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 đều nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hệ thống KCHT đồng bộ, huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội, kết hợp giữa đầu tư nhà nước và thu hút đầu tư ngoài nhà nước. Điều đó khẳng định phát triển KCHT không chỉ là yêu cầu kinh tế mà còn là vấn đề chiến lược gắn với nâng cao năng lực quốc gia, bảo đảm quốc phòng - an ninh và cải thiện đời sống Nhân dân. Vì vậy, nghiên cứu quá trình lãnh đạo xây dựng KCHT trên phạm vi cả nước hay ở các địa phương đều có ý nghĩa khoa học và thực tiễn trong làm sáng rõ một nội dung lịch sử Đảng, góp phần và tổng kết thực tiễn lãnh đạo phát triển KCHT phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước trong kỷ nguyên mới.

Trước khi hợp nhất với tỉnh Hà Giang và đi vào hoạt động theo đơn vị hành chính mới theo Nghị quyết số số 202/2025/QH15 của Quốc hội “về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh”, ngày 12-6-2025, Tuyên Quang là một tỉnh nằm ở vị trí trung tâm của khu vực Đông Bắc trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc Tổ quốc. Là tỉnh miền núi, điều kiện tự nhiên khó khăn, xuất phát điểm kinh tế thấp, nên KCHT vừa là điểm nghẽn vừa là động lực phát triển. Nhận thức rõ điều đó, từ năm 2010 đến năm 2020, Đảng bộ tỉnh xác định phát triển KCHT, nhất là hạ tầng giao thông, là khâu đột phá và nhiệm vụ trọng tâm. Nhờ đó, hệ thống KCHT từng bước được đầu tư, đạt nhiều kết quả: giao thông được cải thiện, tăng cường kết nối; hạ tầng đô thị, thông tin phát triển; hạ tầng giáo dục, y tế được củng cố, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân.

Tuy nhiên, quá trình xây dựng KCHT vẫn còn những hạn chế như tiến độ một số dự án chậm, giải ngân vốn đầu tư công chưa đạt yêu cầu; huy động nguồn lực ngoài ngân sách còn hạn chế; một số lĩnh vực hạ tầng chưa theo kịp yêu cầu phát triển. Những vấn đề này đặt ra yêu cầu cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ nguyên nhân và rút ra kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo.

Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới, tỉnh Tuyên Quang với đơn vị hành chính mới đang đứng trước yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, tăng cường liên kết vùng, đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng với tình hình phát triển KT - XH trong nước cũng như với những biến động phức tạp trên thế giới, việc đẩy mạnh phát triển KCHT tiếp tục là một nhiệm vụ chính trị to lớn và cấp bách. Để thực hiện được yêu cầu đó, cần thiết phải nghiên cứu, đúc kết, chất lọc những kinh nghiệm lãnh đạo phát triển KCHT trong những giai đoạn đã qua để vận dụng trong xây dựng chủ trương, giải pháp thực hiện hiệu quả “đột phá chiến lược” về xây dựng KCHT theo quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng.

Xuất phát từ những lý do đó, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài **“Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng kết cấu hạ tầng từ năm 2010 đến năm 2020”** làm luận án Tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng KCHT từ năm 2010 đến năm 2020; rút ra một số kinh nghiệm có thể vận dụng để nâng cao chất lượng và hiệu quả xây dựng và phát triển KCHT ở tỉnh Tuyên Quang trong hiện tại và tương lai.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Một là, tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến đề tài luận án.

Hai là, nghiên cứu, luận giải những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng KCHT từ năm 2010 đến năm 2020.

Ba là, phân tích chủ trương của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng KCHT trong những năm 2010 - 2020.

Bốn là, làm rõ quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo xây dựng KCHT từ năm 2010 đến năm 2020.

Năm là, đưa ra những nhận xét, đánh giá về ưu điểm, hạn chế và đúc rút một số kinh nghiệm từ thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng KCHT từ năm 2010 đến năm 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng KCHT từ năm 2010 đến năm 2020.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Về nội dung: Sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng KCHT có nội hàm rộng, phong phú, đa dạng. Trong phạm vi nghiên cứu, luận án tập trung nghiên cứu, phân tích chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng

KCHT trên những lĩnh vực: (1) xây dựng KCHT giao thông; (2) xây dựng KCHT đô thị; (3) xây dựng KCHT thông tin; (4) xây dựng KCHT giáo dục - đào tạo, (5) xây dựng KCHT y tế.

Về không gian: Trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trước khi hợp nhất với tỉnh Hà Giang theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội, gồm các đơn vị hành chính cấp huyện: là thành phố Tuyên Quang và 6 huyện: Hàm Yên, Na Hang, Chiêm Hóa, Lâm Bình, Yên Sơn, Sơn Dương.

Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu giai đoạn 2010 - 2020. Tuy nhiên, nhằm bảo đảm tính hệ thống và logic của vấn đề nghiên cứu, luận án có liên hệ, tham chiếu và phân tích một số nội dung liên quan trước năm 2010.

4. Cơ sở lý luận, phương pháp nghiên cứu

4.1. Cơ sở lý luận

Luận án dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và lý luận về đường lối đổi mới của Đảng, quan điểm của Đảng về xây dựng và phát triển KCHT.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận án chủ yếu sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: Phương pháp lịch sử, phương pháp logic, phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp thống kê và so sánh, phương pháp nghiên cứu văn bản, phương pháp điền dã và thâm nhập thực tiễn.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

5.1. Ý nghĩa lý luận của luận án

Trên cơ sở tổng kết quá trình cụ thể hóa chủ trương của Đảng về xây dựng KCHT ở tỉnh Tuyên Quang, luận án góp phần bổ sung cơ sở lý luận, thực tiễn để Đảng tiếp tục hoàn thiện chủ trương và chỉ đạo thực tiễn về xây dựng KCHT trong phạm vi khu vực vùng miền núi phía Bắc và cả nước.

Nghiên cứu tổng kết quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng KCHT, rút ra kinh nghiệm; từ đó, xây dựng luận cứ để bổ sung, hoàn thiện chủ trương, giải pháp lãnh đạo xây dựng KCHT ở tỉnh Tuyên Quang giai đoạn tiếp theo.

5.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án

Luận án cung cấp nguồn tư liệu tham khảo có giá trị cho nghiên cứu và giảng dạy lịch sử địa phương, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể được sử dụng trong công tác tuyên truyền, phổ biến và vận dụng thực tiễn về xây dựng KCHT ở tỉnh Tuyên Quang và các địa phương khác trên cả nước.

6. Điểm mới của luận án

Cung cấp hệ thống tư liệu phong phú, cập nhật, tin cậy liên quan đến quá trình

Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng KCHT từ năm 2010 đến năm 2020.

Phục dựng khách quan, chân thực, có hệ thống về quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng KCHT từ năm 2010 - 2020, qua 2 giai đoạn 2010 - 2015 và 2015 - 2020.

Đưa ra những nhận xét về ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của những ưu điểm, hạn chế; đúc kết một số kinh nghiệm qua thực tiễn lãnh đạo xây dựng KCHT của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang từ năm 2010 đến năm 2020 và nêu những định hướng để vận dụng trong giai đoạn tiếp theo.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các công trình của tác giả đã công bố liên quan đến đề tài và phụ lục, luận án gồm 4 chương, 8 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. NHỮNG CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1.1. Công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài

Các tác giả Fumitoshi Mizutani và Tomoyasu Tanaka (2010), “*Tác động đến năng suất và các yếu tố quyết định đầu tư vào cơ sở hạ tầng công cộng*”; B. Srinivasu và Srinivasa Rao (2013), “*phát triển cơ sở hạ tầng và tăng trưởng kinh tế, triển vọng và quan điểm*”; Alexander Zheltenkov (2017), “*phát triển cơ sở hạ tầng đầu tư là yếu tố tăng sức hấp dẫn đầu tư của khu vực*”; Gurara, D. (2018) về “*xu hướng và thách thức trong đầu tư và tài trợ cơ sở hạ tầng ở các nước đang phát triển có thu nhập thấp*”; Ouattara, B. & Zhang, Y.-F. (2019) có bài nghiên cứu “*Cơ sở hạ tầng và tăng trưởng kinh tế dài hạn: Bằng chứng từ các tỉnh của trung Quốc*”; Engel, E.; Fischer, R.; Galetovic, A. (2020), “*Khi nào và làm thế nào để sử dụng quan hệ đối tác công tư trong cơ sở hạ tầng: Bài học từ kinh nghiệm quốc tế*”. Nhìn chung, các công trình trên đều thống nhất khẳng định: phát triển KCHT là nhân tố nền tảng, có tác động lan tỏa mạnh mẽ đến phát triển KT - XH, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và chất lượng cuộc sống; cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn, kinh nghiệm quan trọng cho việc hoạch định chính sách phát triển hạ tầng ở Việt Nam. Tuy nhiên, chưa nhiều công trình làm rõ được vai trò của cấp lãnh đạo trong việc định hướng, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và phát huy nguồn lực chính trị, xã hội trong phát triển hạ tầng.

1.1.2. Công trình nghiên cứu của các tác giả trong nước

1.1.2.1. Các công trình nghiên cứu chung về xây dựng kết cấu hạ tầng

Chu Tiến Quang và Nguyễn Thị Thu Hằng (2006), “*Về chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn*”; Trần Thanh Cương (2010), “*Kinh nghiệm huy động vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị của một số nước Đông Bắc Á và Asean*”; Đỗ Đức Tú (2010), “*Bàn về khái niệm kết cấu hạ tầng và các loại kết cấu hạ tầng trong nền kinh tế quốc dân*”; Nguyễn Bá Ân và Nguyễn Văn Vinh (2011), “*Bàn về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ*”; Trần Minh Phương (2012), “*Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam*” Nguyễn ké Tuấn (2013), “*Một số vấn đề về thực hiện ba đột phá chiến lược giai đoạn 2011 - 2020*”; Phí Vĩnh Tường (2015), “*Phát triển hạ tầng giao thông: kinh nghiệm quốc tế và giải pháp cho Việt Nam*”; Nguyễn Văn Hương (2017), “*Thúc đẩy hợp tác công tư trong lĩnh vực cơ sở hạ tầng thành công ở Việt Nam: cần có cơ chế tốt hơn về đấu thầu*”; Nguyễn Bá Ân (2020), “*Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa*

đất nước giai đoạn 2011 - 2020”; Châu Phụng Chi (2022), “Giải pháp pháp lý nhằm thu hút hiệu quả đầu tư trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng”.

Đây là nguồn tài liệu tham khảo quan trọng, giúp luận án kế thừa cơ sở lý luận chung về KCHT, đồng thời tạo cơ sở đối chiếu, so sánh với thực tiễn xây dựng và phát triển hệ thống KCHT ở tỉnh Tuyên Quang.

1.1.2.2. Các công trình nghiên cứu về xây dựng kết cấu hạ tầng ở các vùng, miền, địa phương

Có các bài viết: Nguyễn Đức Hải (2009), “Quảng Nam phát triển kết cấu hạ tầng, thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn”; Nguyễn Quang Minh (2011), “Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế nông thôn trong kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở tỉnh Thanh Hóa hiện nay”; Hồ Thị Hương Mai (2015), “Quản lý nhà nước về vốn đầu tư trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đô thị Hà Nội”; Hoàng Cao Liêm (2018), “Quản lý nhà nước về đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ từ ngân sách nhà nước tại tỉnh Hà Nam”; Trần Thanh Minh (2019), “Quá trình đô thị hoá ở huyện Củ Chi (thành phố Hồ Chí Minh) từ năm 1997 đến năm 2015”; Bùi Minh Châu (2021), “Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng then chốt, tạo động lực đưa tỉnh Phú Thọ tăng trưởng nhanh và bền vững”; Trương Thị Hồng Nga (2022), “Xây dựng kết cấu hạ tầng bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu khu vực đồng bằng Sông Cửu Long (2011 - 2021)”; Trần Văn Hiệp (2022), “Tỉnh Lâm Đồng đẩy nhanh phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tạo đột phá cho phát triển bền vững”; Hoàng Thị Ánh Nguyệt (2023), “Đồng Tháp đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng giao thông tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội”; Đinh Văn Luân (2025), “Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lãnh đạo xây dựng kết cấu hạ tầng (2015 - 2020)”. Đây là nguồn tài liệu giúp nghiên cứu sinh có góc nhìn tổng thể, toàn diện, có hệ thống về thực tiễn phát triển KCHT nói chung, KCHTGT nói riêng ở các địa phương, vùng miền trên cả nước. Từ đó có sự so sánh, đối chiếu với thực trạng phát triển KCHT ở tỉnh Tuyên Quang. Đặc biệt là sự lãnh đạo phát triển KCHT của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong những năm 2010 - 2020.

1.1.3. Các công trình nghiên cứu về tỉnh Tuyên Quang có liên quan đến luận án

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2000), sách “Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (1940-1975)”; Tỉnh uỷ - Hội đồng nhân dân - Uỷ ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (2014), “Địa chí Tuyên Quang”; Dũng Hoà (2016), “Bước chuyển mạnh trong xây dựng kết cấu hạ tầng ở Thủ đô kháng chiến”; Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Tuyên Quang (2021), “Tuyên Quang 30 năm đổi mới và phát triển (1991 - 2021)”; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2025), “Lịch sử Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang (2006 - 2020)”; Nhìn chung, các công trình nghiên cứu về tỉnh Tuyên Quang có liên quan đến luận án cung cấp những thông tin hữu ích về nội dung đang nghiên cứu. Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu một cách cụ

thể, có hệ thống về chủ trương lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đối với KCHT nói chung và hạ tầng giao thông, đô thị, thông tin truyền thông, y tế nói riêng.

1.2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CỦA CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ TỔNG QUAN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ LUẬN ÁN TẬP TRUNG NGHIÊN CỨU

1.2.1. Kết quả nghiên cứu của các công trình đã tổng quan

1.2.1.1. Về tư liệu

Bao gồm: sách chuyên khảo, bài viết đăng trên các tạp chí khoa học, báo cáo khoa học, đề án, luận án tiến sĩ, cũng như các văn bản tổng kết thực tiễn.

1.2.1.2. Về cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Cách tiếp cận: kinh tế học; chính trị học và quản lý nhà nước; địa lý và quy hoạch; xây dựng Đảng, chính quyền nhà nước và lịch sử Đảng ...

Phương pháp nghiên cứu: phân tích, tổng hợp, so sánh, lịch sử, lôgic, thống kê và điều tra thực tiễn.

1.2.1.3. Về nội dung

Một là, các công trình nghiên cứu đã tập trung luận giải những vấn đề lý luận cơ bản về KCHT, tạo nền tảng khoa học cho việc hoạch định và thực thi chính sách phát triển KCHT ở Việt Nam.

Hai là, các công trình nghiên cứu đã làm rõ yêu cầu khách quan của việc xây dựng KCHT ở Việt Nam trong tiến trình CNH, HĐH đất nước.

Ba là, các công trình nghiên cứu đã tập trung đánh giá thực trạng xây dựng KCHT từ đó đúc rút kinh nghiệm, đề xuất quan điểm, phương hướng, giải pháp xây dựng KCHT.

Bốn là, một số công trình nghiên cứu đã bước đầu đề cập đến chủ trương của Đảng và hoạt động lãnh đạo của các đảng bộ địa phương trong xây dựng KCHT.

Năm là, một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến điều kiện tự nhiên, KT - XH và những vấn đề đặt ra trong xây dựng KCHT ở tỉnh Tuyên Quang.

Tuy nhiên, cho đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách độc lập, có hệ thống và toàn diện về chủ trương cũng như quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng KCHT trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020. Đây chính là khoảng trống khoa học cần được tiếp tục làm rõ, đồng thời khẳng định tính cần thiết và ý nghĩa lý luận, thực tiễn của đề tài luận án.

1.2.2. Những nội dung luận án tập trung nghiên cứu

Một là, những yếu tố tác động đến sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng kết cấu hạ tầng, từ năm 2010 đến năm 2020.

Hai là, chủ trương và sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng kết cấu hạ tầng từ năm 2010 đến năm 2020.

Ba là, đưa ra những nhận xét về ưu điểm, hạn chế trong lãnh đạo xây dựng KCHT của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang từ năm 2010 đến năm 2020.

Bốn là, những kinh nghiệm từ thực tiễn quá trình Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo thực hiện chủ trương của Đảng về xây dựng KCHT tại địa phương từ năm 2010 đến năm 2020.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài, qua đó làm rõ những kết quả đạt được về nguồn tư liệu, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu đối với KCHT. Các công trình đã tập trung vào những nội dung chủ yếu như: luận giải cơ sở lý luận về KCHT; làm rõ yêu cầu phát triển KCHT trong CNH, HĐH; đánh giá thực trạng, rút ra kinh nghiệm và đề xuất giải pháp; bước đầu đề cập đến vai trò lãnh đạo của Đảng và điều kiện thực tiễn ở tỉnh Tuyên Quang.

Tuy nhiên, vẫn còn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu, hệ thống về sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong xây dựng KCHT giai đoạn 2010 - 2020. Vì vậy, chương đã xác định khoảng trống nghiên cứu và định hướng cho luận án tiếp tục làm rõ các yếu tố tác động, chủ trương, quá trình tổ chức thực hiện, cũng như đánh giá ưu điểm, hạn chế và rút ra kinh nghiệm từ thực tiễn địa phương.

Chương 2

CHỦ TRƯỞNG VÀ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYỀN QUANG VỀ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015

2.1. NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYỀN QUANG TRONG XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020

2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, truyền thống văn hoá - lịch sử của tỉnh Tuyên Quang

2.1.1.1. Điều kiện tự nhiên

Tuyên Quang là tỉnh miền núi phía Bắc, có vị trí kết nối giữa vùng Tây Bắc và Đông Bắc với một số tuyến giao thông quan trọng, tạo điều kiện cho giao lưu kinh tế và liên kết vùng. Địa hình chủ yếu là đồi núi, chia cắt mạnh, thiên tai diễn biến phức tạp, gây nhiều khó khăn và làm tăng chi phí đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Tuy nhiên, tỉnh có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, tiềm năng thủy điện, khoáng sản và du lịch, tạo cơ sở để phát triển các ngành kinh tế và định hướng đầu tư hạ tầng. Những đặc điểm tự nhiên này vừa tạo thuận lợi, vừa đặt ra yêu cầu đối với Đảng bộ tỉnh trong lựa chọn trọng tâm và huy động nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng phù hợp với điều kiện địa phương.

2.1.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Đến năm 2010, kinh tế Tuyên Quang duy trì tốc độ tăng trưởng khá, tạo tiền đề vật chất cho đầu tư xây dựng KCHT. Tuy nhiên, quy mô kinh tế còn nhỏ, năng lực cạnh tranh và khả năng tích lũy nội bộ hạn chế, khiến nguồn lực đầu tư cho hạ tầng còn thiếu và phụ thuộc nhiều vào ngân sách Trung ương. Về xã hội, tỉnh có cơ cấu dân cư đa dạng với tỷ lệ đồng bào dân tộc thiểu số cao, địa bàn rộng, nhiều vùng khó khăn, làm gia tăng yêu cầu đầu tư hạ tầng và chi phí triển khai. Nhìn chung, đặc điểm KT - XH vừa tạo nền tảng, vừa đặt ra những thách thức đối với công tác lãnh đạo xây dựng KCHT của Đảng bộ tỉnh.

2.1.1.3. Truyền thống văn hoá - lịch sử

Tuyên Quang là vùng đất giàu truyền thống văn hóa, lịch sử và cách mạng, nơi nhân dân các dân tộc có tinh thần đoàn kết, cần cù và chấp hành tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Truyền thống đó tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố niềm tin của Nhân dân, là yếu tố thuận lợi để Đảng bộ tỉnh huy động sức dân và lãnh đạo xây dựng KCHT gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa - lịch sử.

2.1.2. Thực trạng kết cấu hạ tầng tỉnh Tuyên Quang trước năm 2010

Trước năm 2010, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang xác định xây dựng KCHT là khâu đột phá quan trọng và tập trung lãnh đạo đầu tư các lĩnh vực giao thông, đô thị, thông tin, giáo dục và y tế, góp phần từng bước cải thiện diện mạo đô thị và điều kiện phát triển KT - XH. Tuy nhiên, do quy mô kinh tế nhỏ và vị trí địa lý còn khó khăn, hệ thống KCHT của tỉnh phát triển chưa đồng bộ, đặc biệt là hạ tầng giao thông và khả năng huy động nguồn lực đầu tư còn hạn chế. Thực trạng này vừa tạo nền tảng ban đầu, vừa đặt

ra yêu cầu đối với Đảng bộ tỉnh trong việc tiếp tục đề ra chủ trương và giải pháp phù hợp nhằm đẩy mạnh xây dựng KCHT trong giai đoạn tiếp theo.

2.1.3. Sự biến đổi của tình hình thế giới, trong nước và chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng kết cấu hạ tầng

2.1.3.1. Sự biến đổi của tình hình thế giới và trong nước

Trong những năm 2010 - 2015, tình hình thế giới và trong nước có nhiều biến động, kinh tế toàn cầu phục hồi chậm sau khủng hoảng tài chính, cạnh tranh chiến lược và những bất ổn khu vực gia tăng, tác động đến môi trường phát triển. Trong nước, bên cạnh những thành tựu sau 25 năm đổi mới, nền kinh tế vẫn bộc lộ nhiều hạn chế như lạm phát, hiệu quả đầu tư thấp và áp lực ổn định kinh tế vĩ mô. Bối cảnh đó vừa tạo thời cơ từ hội nhập và tiến bộ khoa học - công nghệ, vừa đặt ra nhiều thách thức đối với việc huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng KCHT ở Tuyên Quang. Điều này đòi hỏi Đảng bộ tỉnh phải chủ động, linh hoạt trong lãnh đạo, lựa chọn trọng tâm đầu tư và nâng cao hiệu quả quản lý phát triển hạ tầng.

2.1.3.2. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về xây dựng kết cấu hạ tầng

Trong những năm 2010 - 2015, Đảng đã xác định phát triển KCHT là một trong ba khâu đột phá chiến lược nhằm tạo nền tảng cho tăng trưởng nhanh và bền vững. Văn kiện Đại hội XI của Đảng nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ, với trọng tâm là giao thông, năng lượng, hạ tầng đô thị, công nghệ thông tin và nông thôn. Hội nghị Trung ương 4 khóa XI ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16-01-2012, về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 đề ra mục tiêu từng bước hình thành hệ thống KCHT kinh tế, xã hội tương đối đồng bộ với một số công trình hiện đại, bảo đảm cho phát triển nhanh và bền vững. Trên cơ sở đó, Đảng lãnh đạo Nhà nước ban hành nhiều chính sách quan trọng như Chiến lược phát triển KT - XH 2011 - 2020, Luật Đầu tư công (2014), cùng các cơ chế khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP). Đặc biệt, Đảng chú trọng phát triển hạ tầng nông thôn thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và các dự án cải tạo hệ thống hạ tầng giao thông, điện, nước, trường học, trạm y tế cấp xã... Những chủ trương và chính sách này là cơ sở quan trọng để các cấp ngành và Đảng bộ địa phương triển khai thực hiện phù hợp với thực tiễn của mình.

2.2. CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG VỀ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2015

2.2.1. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh

Trong quá trình lãnh đạo phát triển KT - XH, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang luôn xác định xây dựng KCHT là nhiệm vụ quan trọng nhằm tạo nền tảng cho phát triển. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (2010), trước yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH và khắc phục tình trạng hạ tầng chưa đồng bộ, tỉnh xác định “huy động nguồn lực, đầu tư xây dựng hệ thống giao thông” là khâu đột phá đầu tiên.

Để cụ thể hóa chủ trương đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 9/5/2011 về *đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông giai đoạn 2011-2015*, tập trung cải tạo, nâng cấp các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện, mở rộng giao thông nông thôn và tăng cường kết nối liên vùng; đồng thời chuẩn bị điều kiện kết nối với các tuyến giao thông quốc gia; Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 13/5/2011, về *phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020*, chú trọng đầu tư cơ sở vật chất giáo dục, kiên cố hóa trường lớp học và mở rộng hệ thống trường đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho phát triển lâu dài.; Ngày 23/5/2012, BCH Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 13-CTr/TU, về *thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020*. Đồng thời, ban hành các nghị quyết như Nghị quyết số 27-NQ/TU, ngày 23/11/2011 về *xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015, định hướng đến năm 2020*; Nghị quyết số 37-NQ/TU, ngày 29/6/2012 về *đẩy mạnh quy hoạch và phát triển thành phố Tuyên Quang* đã góp phần thúc đẩy phát triển hạ tầng nông thôn và đô thị theo hướng đồng bộ, gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao đời sống Nhân dân.

Nhìn chung, những năm 2010 - 2015 đánh dấu bước chuyển trong tư duy lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh khi ban hành các nghị quyết, chương trình chuyên đề về KCHT, xác định rõ trọng tâm đầu tư, huy động đa dạng nguồn lực và gắn phát triển hạ tầng với quy hoạch phát triển KT - XH của tỉnh.

2.2.2. Sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về xây dựng kết cấu hạ tầng từ năm 2010 đến năm 2015

2.2.2.1. Chỉ đạo thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông

- *Chỉ đạo công tác quy hoạch và xác định công trình ưu tiên*: BCH Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/01/2012 về *xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020*; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 23/8/2011 về *thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU của BCH Đảng bộ tỉnh (khóa XV) về đẩy mạnh phát triển hệ thống giao thông giai đoạn 2011 - 2015*;...

Kết quả trong giai đoạn 2010 - 2015, Tỉnh đã tổ chức tốt việc tuyên truyền và quản lý thực hiện quy hoạch đã được phê duyệt....

- *Chỉ đạo huy động và lồng ghép các nguồn lực đầu tư*: Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo quyết liệt việc huy động mọi nguồn lực và lồng ghép các chương trình để đầu tư hạ tầng giao thông. Điển hình như, năm 2011, thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành nghị quyết chuyên đề về giao thông vận tải...

- *Chỉ đạo phân công, phân cấp và tổ chức thực hiện*: Sau khi có nghị quyết chuyên đề về phát triển hệ thống giao thông giai đoạn 2011 - 2015, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh triển khai thực hiện cụ thể. Kết quả, hệ thống giao thông được phát triển đồng bộ đã mang đến diện mạo mới, thúc đẩy phát triển KT - XH, tạo sự chuyển biến rõ nét về sản xuất và đời sống của Nhân dân.

- *Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát và khen thưởng:* Công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng được Đảng bộ tỉnh đặc biệt coi trọng nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng công trình giao thông.

2.2.2.2. Chỉ đạo thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị

- *Chỉ đạo công tác quy hoạch và phê duyệt danh mục công trình hạ tầng:* Để thực hiện tốt công tác phát triển và quản lý đô thị, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, ngày 15/11/2011, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Kết luận số 48-KL/TU về nhiệm vụ, giải pháp công tác quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2011 - 2015; UBND tỉnh đã ban hành các văn bản: Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 về việc phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020; ...

- *Chỉ đạo huy động và phân bổ nguồn lực đầu tư phát triển đô thị:* Song song với quy hoạch, Đảng bộ tỉnh chú trọng chỉ đạo huy động tối đa các nguồn lực để hiện thực hóa các dự án hạ tầng đô thị. Kết quả: những năm 2010 - 2015, tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh đạt 35.512 tỷ đồng, trong đó một phần quan trọng dành cho các công trình KCHT đô thị. ...

- *Chỉ đạo tổ chức triển khai và quản lý thực hiện:* Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo các cấp chính quyền tổ chức thực hiện các dự án đô thị một cách khoa học, nhấn mạnh yếu tố quản lý chặt chẽ theo quy hoạch. UBND tỉnh đã ra các quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Chương trình đô thị miền núi phía Bắc vốn vay ngân hàng thế giới (WB) - Tiểu dự án thành phố Tuyên Quang,... Những kết quả đó thể hiện nỗ lực lớn của tỉnh trong tổ chức thực hiện phát triển hạ tầng đô thị theo đúng định hướng và lộ trình mà Đảng bộ đã đề ra.

- *Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát và sơ tổng kết:* Đảng bộ tỉnh thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch và các dự án để kịp thời chấn chỉnh hạn chế.

2.2.2.3. Chỉ đạo thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin

- *Chỉ đạo công tác quy hoạch*

Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng quy hoạch hạ tầng CNTT giai đoạn 2010 - 2015, định hướng 2020 theo hướng đồng bộ, hiện đại, lấy hạ tầng CNTT đi trước một bước. Quy hoạch nhằm tạo nền tảng phát triển kinh tế số, xã hội thông tin và thu hẹp khoảng cách phát triển.

UBND tỉnh cụ thể hóa bằng các kế hoạch triển khai, xác định mục tiêu phát triển viễn thông, Internet và ứng dụng CNTT trên nhiều lĩnh vực. Qua đó hình thành khung hành động thống nhất và gắn CNTT với các chương trình phát triển KT - XH của tỉnh.

- *Chỉ đạo huy động và phân bổ nguồn lực đầu tư*

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã lồng ghép nguồn vốn đầu tư cho CNTT-TT vào các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình cải cách hành chính, xây dựng nông thôn mới, phát triển giáo dục và y tế, thay vì đầu tư riêng lẻ, manh mún... Cách thức phân bổ nguồn lực theo hướng tích hợp mục tiêu CNTT-TT vào các chương trình lớn không chỉ giúp tiết kiệm ngân sách, mà còn nâng cao hiệu quả đầu tư, tạo ra sự lan tỏa đồng thời trên nhiều lĩnh vực KT - XH.

- *Chỉ đạo tổ chức triển khai và thực hiện xây dựng hạ tầng thông tin*

UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông phát huy vai trò điều hành, triển khai nhiều dự án như Cổng thông tin điện tử, hệ thống email, cơ sở dữ liệu điện tử. Đến 2015, hạ tầng viễn thông, Internet phủ rộng, tỷ lệ người dùng đạt khoảng 40%, góp phần thu hẹp khoảng cách số. Ứng dụng CNTT được đẩy mạnh trong cải cách hành chính và các ngành: trên 90% cơ quan có mạng nội bộ; giáo dục, y tế, tài nguyên môi trường đạt kết quả rõ nét. Điều này thể hiện việc cụ thể hóa kịp thời chủ trương vào thực tiễn.

- Chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết và bảo đảm an toàn thông tin

Tỉnh ban hành đề án, tăng cường giải pháp kỹ thuật và quản lý an toàn thông tin mạng. Hệ thống vận hành ổn định, không xảy ra sự cố lớn; công tác kiểm tra, tổng kết giúp kịp thời điều chỉnh, nâng cao hiệu quả triển khai.

2.2.2.4. Chỉ đạo thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng giáo dục – đào tạo

- Chỉ đạo công tác quy hoạch và cơ chế, chính sách xây dựng hạ tầng giáo dục và đào tạo

Đảng bộ tỉnh lãnh đạo xây dựng hệ thống quy hoạch, đề án phát triển giáo dục - đào tạo đồng bộ, có tầm nhìn dài hạn, gắn với phát triển KT - XH và ưu tiên vùng khó khăn.

Chủ trương khuyến khích xã hội hóa giáo dục “Xây dựng cơ chế, chính sách để khuyến khích phát triển các loại hình trường ngoài công lập” thể hiện bước chuyển trong tư duy huy động nguồn lực.

- Chỉ đạo huy động nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất trường lớp

Tỉnh ưu tiên ngân sách cho giáo dục, tăng từ “21,4% năm 2011 lên 26,5% năm 2014”, đồng thời lồng ghép hiệu quả các nguồn vốn và đẩy mạnh xã hội hóa.

Nhân dân tích cực đóng góp “26.541 m² đất, 69.700 ngày công và 59.775,3 triệu đồng (quy đổi)”, góp phần hoàn thành phổ cập mầm non trước kế hoạch.

- Chỉ đạo thực hiện xây dựng cơ sở vật chất giáo dục - đào tạo

Tỉnh triển khai đồng bộ xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, hoàn thiện mạng lưới trường lớp, bảo đảm điều kiện dạy và học, nhất là ở vùng sâu, vùng xa. Giai đoạn 2010 - 2015 xây dựng mới “1.665 phòng học và 968 phòng ở công vụ”; thành lập Trường Đại học Tân Trào (2013), mở rộng hệ thống đào tạo.

- Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thường xuyên, bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực và kịp thời điều chỉnh trong quá trình triển khai.

Ngành giáo dục kiểm tra phổ cập với trên “200 lượt tại 141/141 xã, phường, thị trấn (đạt 100%)”, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư hạ tầng.

2.2.2.5. Chỉ đạo thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng y tế

- Chỉ đạo công tác quy hoạch và huy động nguồn lực cho hạ tầng y tế: Dưới sự chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân luôn được coi trọng. Ngày 18/7/2012, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 01/2012/NQ - HĐND về quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế đến năm 2015, định hướng đến năm 2020; ngày 19/9/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 16/2012/QĐ-UBND về phê duyệt quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế đến năm 2015, định hướng đến năm 2020.

- *Chỉ đạo tổ chức và triển khai thực hiện*: Thể hiện trên các lĩnh vực: Xây dựng và nâng cấp bệnh viện tuyến tỉnh; củng cố y tế tuyến huyện; mở rộng mạng lưới y tế xã, phường; trong lĩnh vực y tế dự phòng.

Tiểu kết chương 2

Trong những năm 2010 - 2015, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã chủ động cụ thể hóa chủ trương của Đảng, xác định xây dựng KCHT là nhiệm vụ trọng tâm, ưu tiên các lĩnh vực thiết yếu như giao thông, đô thị, thông tin, giáo dục, y tế. Quá trình lãnh đạo được triển khai đồng bộ thông qua nghị quyết, quy hoạch và huy động hiệu quả các nguồn lực, tạo chuyển biến rõ nét: hạ tầng giao thông, đô thị, thông tin được cải thiện; giáo dục và y tế được đầu tư, nâng cao chất lượng phục vụ. Những kết quả đó khẳng định vai trò lãnh đạo chủ động, linh hoạt của Đảng bộ tỉnh, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển KT - XH giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế như phát triển chưa đồng đều giữa các lĩnh vực và vùng miền, hiệu quả một số nguồn lực chưa cao, tính dự báo và đồng bộ trong chỉ đạo còn hạn chế. Điều này đặt ra yêu cầu tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao hiệu quả đầu tư KCHT trong thời gian tới.

Chương 3

ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.1. YÊU CẦU MỚI ĐỐI VỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG VỀ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.1.1. Những chuyển biến của tình hình thế giới, trong nước và tỉnh Tuyên Quang

3.1.1.1. Chuyển biến của tình hình thế giới, trong nước

Thế giới chuyển biến theo xu hướng đa cực, cạnh tranh nước lớn gay gắt, nhất là Mỹ - Trung; CMCN 4.0 phát triển mạnh, tạo cả thời cơ và thách thức. Tình hình an ninh, kinh tế toàn cầu diễn biến phức tạp; khu vực châu Á - Thái Bình Dương năng động nhưng tiềm ẩn bất ổn, tranh chấp Biển Đông gia tăng.

Đất nước hội nhập sâu rộng, kinh tế phục hồi nhưng còn nhiều khó khăn; các vấn đề xã hội, chủ quyền và dịch COVID-19 tác động lớn. KCHT được đầu tư, cải thiện rõ, song còn thiếu đồng bộ, hiệu quả chưa cao, cơ chế huy động nguồn lực còn hạn chế. Bối cảnh đó đặt ra yêu cầu đổi mới, nâng cao hiệu quả lãnh đạo xây dựng KCHT phù hợp thực tiễn địa phương.

3.1.1.2. Tình hình tỉnh Tuyên Quang trong thời kỳ mới

Những năm 2010 - 2015, tỉnh Tuyên Quang có chuyển biến tích cực về kinh tế - xã hội, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, đời sống Nhân dân được cải thiện; hệ thống kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông, nông thôn, đô thị được quan tâm đầu tư, tạo nền tảng quan trọng cho phát triển. Công tác xây dựng Đảng có chuyển biến, góp phần

nâng cao năng lực lãnh đạo và hiệu quả tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, quy mô kinh tế còn nhỏ, kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, chịu tác động lớn của điều kiện tự nhiên, thiên tai và các yếu tố bất lợi như dịch bệnh, đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và khả năng thích ứng trong giai đoạn tiếp theo.

3.1.2. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng kết cấu hạ tầng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII đã xác định xây dựng hệ thống KCHT đồng bộ là một trong ba khâu đột phá chiến lược, cần tiếp tục được triển khai có hiệu quả trong giai đoạn 2016 - 2020. Cùng với hoàn thiện thể chế và phát triển nguồn nhân lực, việc phát triển hạ tầng được xem là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. Đây là chủ trương có ý nghĩa định hướng sâu sắc đối với các địa phương, nhất là các tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn như Tuyên Quang. Tại Đại hội, Đảng đề ra hệ thống giải pháp cụ thể nhằm hiện thực hóa đột phá này trong thực tiễn phát triển đất nước. Đây là cơ sở quan trọng để Tuyên Quang tranh thủ nguồn lực Trung ương, phối hợp lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia và thúc đẩy thu hút đầu tư xã hội hóa vào các lĩnh vực hạ tầng còn thiếu và yếu của tỉnh.

Thực hiện các chủ trương của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, giai đoạn 2015 - 2020, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã ban hành các nghị quyết, chương trình hành động để cụ thể hoá chủ trương phát triển KCHT trong thực tiễn. Chính phủ và Quốc hội đã thể chế hóa các định hướng lớn bằng Nghị quyết số 142/2016/QH13 về Kế hoạch phát triển KT - XH 5 năm 2016 - 2020. Một trong những điểm nổi bật trong chính sách phát triển hạ tầng giai đoạn này là chuyển đổi mạnh mẽ từ cơ chế đầu tư công truyền thống sang huy động hiệu quả nguồn lực xã hội thông qua mô hình đối tác công tư (PPP). Chính phủ đã ban hành các văn bản pháp lý quan trọng như Nghị định số 15/2015/NĐ-CP, Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và đặc biệt là Luật Đầu tư theo phương thức PPP năm 2020, qua đó hoàn thiện hành lang pháp lý, bảo đảm sự minh bạch, công bằng giữa khu vực công và tư trong triển khai các dự án hạ tầng.

3.2. CHỦ TRƯỞNG VÀ SỰ CHỈ ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG VỀ ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG TỪ NĂM 2015 ĐẾN NĂM 2020

3.2.1. Chủ trương của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng

Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVI đặt mục tiêu phấn đấu đưa Tuyên Quang trở thành tỉnh phát triển khá trong các tỉnh miền núi phía Bắc, đồng thời xác định phương hướng chung: “Huy động đa dạng nguồn lực đầu tư, nâng cao chất lượng hệ thống KCHT”. Đại hội đã xác định ba khâu đột phá và bốn nhiệm vụ trọng tâm, trong đó: “Huy động nguồn lực đầu tư xây dựng KCHT giao thông, đô thị và xây

dựng NTM” là nhiệm vụ trọng tâm thứ hai được nhấn mạnh.

Đại hội tập chung vào một số giải pháp quan trọng: Về công tác quy hoạch và về huy động nguồn lực đầu tư cho xây dựng KCHT. Một trong những điểm sáng trong nhiệm kỳ 2015 - 2020 của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang là sự quan tâm sát sao đến việc phát triển KCHT khu vực nông thôn. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 22/5/2016 về *kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nội đồng và xây dựng nhà văn hóa thôn, bản, tổ nhân dân gắn với sân thể thao và khuôn viên trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020* và Nghị quyết số 17-NQ/TU về *“lãnh đạo thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020”*. Đồng thời ban hành Kết luận số 65-KL/TU ngày 25/10/2016 về *các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng* và các chương trình hành động để lãnh đạo xây dựng KCHT. Yêu cầu về sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả và thường xuyên của cả hệ thống chính trị, nhằm huy động tối đa nguồn lực, khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Nhìn chung, những năm 2015 - 2020 đã cho thấy một bước chuyển mạnh mẽ trong tư duy lãnh đạo phát triển KCHT. Thể hiện tư duy đổi mới, sáng tạo, phù hợp với xu hướng phát triển hiện đại

3.2.2. Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng

3.2.2.1. Chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông

- Chỉ đạo lập quy hoạch và xác định công trình ưu tiên

Trong những năm 2015 - 2020, Tỉnh ủy Tuyên Quang chỉ đạo xây dựng quy hoạch giao thông đến năm 2020, định hướng 2030, đồng thời xác định các công trình trọng điểm mang tính liên vùng để tập trung nguồn lực, như các tuyến cao tốc, trục kết nối trung tâm và các dự án cầu, quốc lộ quan trọng. Tỉnh cũng ban hành đề án bê tông hóa đường nội đồng, phấn đấu đạt trên 35%, ưu tiên vùng nông thôn mới và sản xuất hàng hóa. Chủ trương xây dựng hạ tầng nông thôn được điều chỉnh theo hướng “Nhân dân làm, Nhà nước hỗ trợ”, phát huy vai trò chủ thể của người dân, nâng cao hiệu quả đầu tư. Việc triển khai gắn với các kết luận, quyết định quan trọng của Trung ương và tỉnh, đồng thời chú trọng huy động, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Nhờ đó, việc đầu tư hạ tầng được định hướng rõ, tránh dàn trải, phù hợp điều kiện thực tế từng địa phương.

- Chỉ đạo huy động và lồng ghép các nguồn lực: Trong những năm 2015 - 2020, Tuyên Quang đã huy động và lồng ghép hiệu quả nhiều nguồn lực đầu tư giao thông, kết hợp ngân sách nhà nước, Trung ương, ODA và xã hội hóa. Nhờ đó, huy động khoảng 41.700 tỷ đồng, bê tông hóa trên 633 km đường, vượt kế hoạch. Hệ thống giao

thông được đầu tư đồng bộ với nhiều công trình trọng điểm, nâng tổng chiều dài lên hơn 7.700 km, góp phần tháo gỡ “điểm nghẽn” và thúc đẩy phát triển KT -XH. Thành công này thể hiện sự chỉ đạo linh hoạt và sự đồng thuận cao trong xã hội.

- *Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện và phân công nhiệm vụ:* Đảng bộ tỉnh đã chỉ đạo UBND tỉnh và các cơ quan chức năng triển khai quyết liệt các dự án giao thông trọng điểm theo đúng lộ trình. Nhờ sự phối hợp đồng bộ, các dự án giao thông được triển khai tương đối đồng loạt, đảm bảo tiến độ quan trọng: nhiều tuyến đường trục và cầu lớn đã hoàn thành đưa vào sử dụng cuối nhiệm kỳ, tạo mạng lưới giao thông liên hoàn từ tỉnh đến huyện, từ huyện đến xã, thôn, bản.

- *Chỉ đạo kiểm tra, giám sát và khen thưởng:* Công tác kiểm tra, giám sát được Đảng bộ tỉnh tiến hành thường xuyên nhằm đảm bảo tiến độ và chất lượng các công trình hạ tầng giao thông.

3.2.2.2. Chỉ đạo xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị

- *Chỉ đạo quy hoạch đô thị và phê duyệt danh mục công trình hạ tầng*

Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo công tác quy hoạch đô thị một cách bài bản trong giai đoạn 2016 - 2020. Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội XVI, Tỉnh ủy chỉ đạo UBND tỉnh hoàn thiện các quy hoạch chung đô thị, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết trên địa bàn. Kết quả là hàng loạt đồ án quy hoạch đô thị đã được lập và phê duyệt: Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang được điều chỉnh tổng thể theo hướng mở rộng không gian và hướng tới tiêu chí đô thị loại I; ...

- *Chỉ đạo huy động và phân bổ nguồn lực đầu tư phát triển đô thị*

Để thực hiện các mục tiêu quy hoạch, Đảng bộ tỉnh chỉ đạo huy động đa dạng các nguồn vốn cho phát triển KCHTĐT. Ngân sách tỉnh và vốn hỗ trợ từ trung ương được ưu tiên cho các công trình thiết yếu. Việc phân bổ vốn minh bạch, đúng trọng điểm giúp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tránh thất thoát và nợ đọng xây dựng cơ bản.

- *Chỉ đạo tổ chức triển khai và quản lý thực hiện*

Song song với đầu tư, Đảng bộ tỉnh chú trọng nâng cao năng lực quản lý đô thị và tổ chức thực hiện các dự án. So với giai đoạn trước, năng lực quản lý và bộ mặt các đô thị ở Tuyên Quang đã có nhiều đổi mới. Tỷ lệ dân số đô thị của tỉnh tăng từ khoảng 16% năm 2015 lên 19,56% vào năm 2020, tuy còn thấp so với trung bình cả nước, nhưng thể hiện xu hướng phát triển đô thị tích cực.

- *Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát và sơ tổng kết*

Đảng bộ tỉnh luôn quan tâm công tác kiểm tra, giám sát quá trình phát triển hạ tầng đô thị để kịp thời uốn nắn sai lệch và rút kinh nghiệm.

3.2.2.3. Chỉ đạo xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin

- *Chỉ đạo quy hoạch, xây dựng đề án, dự án*

Tỉnh ủy, UBND, HĐND tỉnh lãnh đạo xây dựng quy hoạch, đề án CNTT theo hướng đồng bộ, có tầm nhìn tổng thể; ban hành nhiều văn bản quan trọng, đặc biệt là Kiến trúc Chính quyền điện tử (2017).

Việc hình thành kiến trúc tổng thể đánh dấu bước chuyển từ đầu tư manh mún sang phát triển liên thông, tích hợp; triển khai các nền tảng số cốt lõi như Cổng thông tin, LGSP, trung tâm dữ liệu, liên thông 4 cấp.

So với giai đoạn trước, hạ tầng CNTT đã phát triển theo chiều sâu, hình thành hệ sinh thái số tương đối đồng bộ; Tuyên Quang thuộc nhóm địa phương triển khai sớm, thể hiện sự chủ động trong định hướng chuyển đổi số.

- Chỉ đạo huy động và bố trí nguồn vốn đầu tư

Tinh ưu tiên bố trí ngân sách cho CNTT, tập trung vào các dự án nền tảng phục vụ chính quyền điện tử và cải cách hành chính. Nguồn vốn được phân bổ trọng tâm cho các hệ thống dùng chung như hội nghị trực tuyến, trung tâm dữ liệu, LGSP, chữ ký số... góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành. So với những năm 2010 -2015, tư duy đầu tư chuyển từ dàn trải sang tập trung vào nền tảng, liên thông; đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, huy động doanh nghiệp tham gia, mở rộng hạ tầng số.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng thông tin

Tinh triển khai xây dựng KCHTTT đồng bộ, gắn với xây dựng Chính quyền điện tử và cải cách hành chính; hạ tầng và nền tảng số được tổ chức theo hướng liên thông, dùng chung. Đến năm 2020, 100% cơ quan các cấp kết nối Internet; hệ thống hội nghị trực tuyến, phần mềm quản lý văn bản liên thông 4 cấp, chữ ký số được triển khai rộng rãi, góp phần đổi mới phương thức quản lý, điều hành.

Các nền tảng như Trung tâm dữ liệu, LGSP, Cổng dịch vụ công được vận hành hiệu quả; dịch vụ công trực tuyến phát triển mạnh (727 mức độ 3, 60 mức độ 4), từng bước chuyển sang môi trường số, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Chỉ đạo kiểm tra, giám sát; sơ kết đánh giá

Đảng bộ tỉnh chú trọng kiểm tra, giám sát việc triển khai các chủ trương, đề án CNTT, bảo đảm đúng tiến độ, hiệu quả và an toàn thông tin; hình thành cơ chế giám sát tập trung thông qua Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử. Công tác kiểm tra được thực hiện toàn diện về đầu tư, khai thác hệ thống và an ninh mạng; từng bước xây dựng lực lượng, quy trình ứng cứu sự cố, nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin.

Qua sơ kết, tổng kết, tỉnh kịp thời chỉ ra hạn chế về mức độ ứng dụng, nhân lực và hạ tầng chưa đồng bộ, từ đó điều chỉnh chính sách, ưu tiên đầu tư và phát triển bền vững KCHTTT.

3.2.2.4. Chỉ đạo xây dựng kết cấu hạ tầng giáo dục - đào tạo

- Chỉ đạo xây dựng, thực hiện quy hoạch, đề án về hạ tầng giáo dục

Tinh ban hành và triển khai Đề án sắp xếp lại điểm trường, lớp học giai đoạn 2017 - 2021 (Quyết định 291/QĐ-UBND), với mục tiêu “Đảm bảo cơ sở vật chất... đến năm 2021, xây dựng 253 phòng học kiên cố”. Việc thực hiện gắn với sắp xếp mạng lưới trường lớp, ưu tiên vùng khó khăn, đồng thời chú trọng sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất sau đầu

tu, thể hiện tư duy phát triển hạ tầng theo hướng tổng thể, tránh manh mún.

- Chỉ đạo huy động và phân bổ nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất

Tỉnh đã thể chế hóa chủ trương bằng các cơ chế, chính sách, đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục. Giai đoạn 2016 - 2020, tổng chi đầu tư cho giáo dục đạt 1.322,6 tỷ đồng (3,14%), chi thường xuyên đạt 10.570,3 tỷ đồng (15,8%), cho thấy giáo dục tiếp tục được ưu tiên trong cơ cấu ngân sách. Việc lồng ghép nhiều nguồn vốn và phát huy vai trò giám sát của Nhân dân đã góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, chuyển từ “kiên cố hóa” sang “chuẩn hóa, hiện đại hóa” hạ tầng.

- Chỉ đạo sắp xếp mạng lưới trường lớp gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng hạ tầng Đến năm 2020, toàn tỉnh có 212/477 trường đạt chuẩn quốc gia (mầm non 35,5%; tiểu học 51,1%; THCS 51,6%; THPT 22,6%), tỷ lệ tăng rõ rệt so với giai đoạn trước. Hệ thống trường dân tộc nội trú, bán trú được củng cố; việc chuẩn bị chương trình giáo dục phổ thông mới gắn với bổ sung cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và đẩy mạnh ứng dụng CNTT.

- Chỉ đạo tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư

Công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường, gắn với sơ kết, tổng kết và điều chỉnh chính sách; việc đánh giá cơ sở vật chất được lồng ghép trong kiểm định chất lượng giáo dục, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng hạ tầng và đưa công tác đầu tư đi vào nề nếp.

3.2.3.4. Đảng bộ tỉnh chỉ đạo xây dựng kết cấu hạ tầng y tế

- Chỉ đạo công tác quy hoạch và huy động nguồn lực cho hạ tầng y tế Đảng bộ tỉnh cụ thể hóa các nghị quyết Trung ương, triển khai quy hoạch hệ thống y tế đồng bộ, phù hợp đặc thù miền núi, bảo đảm kết hợp giữa y tế cơ sở và chuyên sâu. Đồng thời, đẩy mạnh huy động đa dạng nguồn lực, nhất là xã hội hóa và thu hút đầu tư ngoài công lập. Nhờ đó, cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế từng bước được hiện đại hóa, nâng cao năng lực hệ thống.

- Chỉ đạo tổ chức và triển khai thực hiện: Tỉnh tập trung củng cố y tế cơ sở gắn với phát triển y tế chuyên sâu, đầu tư đồng bộ từ tuyến tỉnh đến xã; nhiều bệnh viện, trung tâm y tế được xây dựng, nâng cấp, hệ thống y tế dự phòng được kiện toàn. Nhờ đó, chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng cao, dịch bệnh được kiểm soát hiệu quả.

Tiểu kết chương 3

Những năm 2015 - 2020, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã quán triệt và vận dụng linh hoạt chủ trương của Trung ương, tập trung lãnh đạo phát triển kết cấu hạ tầng KT - XH như một nhiệm vụ trọng tâm. Hệ thống hạ tầng giao thông, đô thị, thông tin, giáo dục và y tế được đầu tư đồng bộ, từng bước hiện đại, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế và nâng cao đời sống Nhân dân. Công tác quy hoạch được chú trọng, tạo tầm nhìn

dài hạn, khắc phục tình trạng đầu tư manh mún; nguồn lực được huy động theo hướng tập trung, hiệu quả. Quá trình triển khai gắn với kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn và rút kinh nghiệm thực tiễn. Nhờ đó, diện mạo hạ tầng của tỉnh có nhiều chuyển biến rõ nét, tạo động lực phát triển. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế về nguồn lực, tính đồng bộ và hiệu quả khai thác. Những kết quả và hạn chế này cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc tiếp tục đổi mới tư duy lãnh đạo và phát triển hạ tầng trong giai đoạn tiếp theo.

Chương 4

NHẬN VẾT VÀ KINH NGHIỆM

4.1. NHẬN XÉT SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH TUYẾN QUANG VỀ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG TỪ NĂM 2010 ĐẾN NĂM 2020

4.1.1. Ưu điểm và nguyên nhân

4.1.1.1. Ưu điểm

Một là, nhận thức của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang về vai trò then chốt của kết cấu hạ tầng trong phát triển KT - XH ngày càng sâu sắc, toàn diện.

Hai là, chủ trương của Đảng bộ về phát triển KCHT ngày càng đồng bộ, thống nhất và sát với thực tiễn.

Ba là, quá trình Đảng bộ tổ chức thực hiện xây dựng KCHT được triển khai quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm.

Bốn là, KCHT của Tuyên Quang ngày càng đồng bộ, từng bước hiện đại, phát huy vai trò đột phá trong phát triển KT - XH, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

4.1.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

- *Thứ nhất*, chủ trương phát triển kết cấu hạ tầng của Đảng và sự quan tâm chỉ đạo, bố trí nguồn lực từ Trung ương.

- *Thứ hai*, sự đoàn kết, thống nhất cao trong quyết tâm và hành động của toàn Đảng bộ và hệ thống chính trị về đẩy sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa- hiện đại hóa, xây dựng KCHT.

- *Thứ ba*, sự đồng thuận cao và hưởng ứng tích cực của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

- *Thứ tư*, tinh thần trách nhiệm, sự quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành của đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp.

- *Thứ năm*: Công tác xây dựng Đảng được chú trọng và đạt được nhiều kết quả nổi bật.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.1.2.1. Hạn chế

Một là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo phân bổ và tổ chức đầu tư kết cấu hạ tầng giữa các

vùng còn thiếu đồng bộ, chưa thu hẹp hiệu quả khoảng cách phát triển

Hai là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện một số dự án còn hạn chế, dẫn đến chậm tiến độ và bị động trong bố trí nguồn lực

Ba là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và quản lý quy hoạch trên một số lĩnh vực còn hạn chế, thiếu tính dự báo và tầm nhìn dài hạn

Bốn là, công tác lãnh đạo, chỉ đạo khai thác và phát huy hiệu quả công trình sau đầu tư có mặt còn hạn chế

4.1.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

+ Điều kiện địa lý, tự nhiên đặc thù của tỉnh miền núi Tuyên Quang;

+ Khả năng huy động nguồn lực đầu tư của địa phương còn hạn chế

+ Quy định pháp luật về đầu tư công, đất đai, xây dựng còn chồng chéo, thay đổi nhanh.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ *Một là*, nhận thức của một số cấp uỷ chưa đầy đủ về phát triển hạ tầng gắn với chiến lược tổng thể;

+ *Hai là*, công tác quản lý quy hoạch, có lúc, có nơi còn buông lỏng, thiếu cập nhật thực tiễn;

+ *Ba là*, năng lực cán bộ quản lý, điều hành còn bất cập so với yêu cầu phát triển;

+ *Bốn là*, cơ chế phối hợp giữa các ngành, các cấp đôi lúc còn thiếu chặt chẽ, thiếu cơ chế động viên, khuyến khích, thu hút sự tham gia của khu vực tư nhân và cộng đồng.

4.2. MỘT SỐ KINH NGHIỆM ĐẢNG BỘ TỈNH TUYÊN QUANG LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG

4.2.1. Nhận thức đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của xây dựng kết cấu hạ tầng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa ở địa phương miền núi.

Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã Nhận thức đúng, thống nhất về vai trò, vị trí của KCHT trong phát triển KT - XH; quán triệt kịp thời, đầy đủ các nghị quyết, chủ trương của Trung ương về xây dựng KCHT.

Đảng bộ tỉnh đã thường xuyên quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên, Nhân dân về những chủ trương và sự chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về xây dựng KCHT, đặc biệt là chủ trương, chính sách trong xây dựng KCHT giao thông, KCHT nông thôn.

4.2.2. Vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm, đề ra các chủ trương phù hợp, tạo sự đồng thuận xã hội trong xây dựng kết cấu hạ tầng.

Trong những năm 2010 - 2020, quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng KCHT, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã chủ động vận dụng sáng tạo

vào điều kiện cụ thể của một tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, từ đó xác định đúng quan điểm, mục tiêu, khâu đột phá, nhiệm vụ trọng tâm và đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp, tạo được sự đồng thuận xã hội và huy động hiệu quả các nguồn lực cho phát triển.

Đây là bài học có giá trị lý luận và thực tiễn sâu sắc, góp phần làm rõ vai trò của nhân tố chính trị, xã hội và phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh trong quá trình xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng giai đoạn 2010 - 2020.

4.2.3. Nâng cao quyết tâm chính trị trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện; chủ động, năng động, sáng tạo trong tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

Thứ nhất, quyết tâm chính trị cao và sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị

Thứ hai, triển khai tổ chức thực hiện quyết liệt, năng động, sáng tạo

Thứ ba, thường xuyên bám sát thực tiễn, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc

4.2.4. Phát huy truyền thống đoàn kết và vai trò chủ thể của Nhân dân; đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, huy động tối đa nguồn vốn xã hội hóa

Từ thực tiễn lãnh đạo xây dựng KCHT trong những năm 2010 - 2020, có thể khẳng định: phát huy truyền thống đoàn kết và vai trò chủ thể của Nhân dân trong xây dựng KCHT, đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư là một kinh nghiệm có giá trị bền vững của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang. Kinh nghiệm này không chỉ góp phần tạo nền tảng hạ tầng quan trọng cho phát triển KT - XH của tỉnh, mà còn có ý nghĩa tham khảo đối với các tỉnh miền núi phía Bắc trong quá trình thực hiện chủ trương phát triển KCHT theo hướng đồng bộ, hiệu quả và bền vững trong giai đoạn mới.

4.2.5. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý nhà nước và phát huy vai trò của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển kết cấu hạ tầng

Thứ nhất, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong phát triển kết cấu hạ tầng.

Thứ hai, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong quy hoạch, kế hoạch, tổ chức thực hiện và quản lý các dự án kết cấu hạ tầng.

Thứ ba, phát huy Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng kết cấu hạ tầng.

Tiểu kết chương 4

Chương 4 đã làm rõ quá trình lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang trong xây dựng kết cấu hạ tầng giai đoạn 2010–2020, chỉ ra những kết quả, hạn chế, nguyên nhân và rút ra các kinh nghiệm chủ yếu. Thực tiễn cho thấy, nhận thức về vai trò của kết cấu hạ tầng ngày càng sâu sắc, chủ trương được ban hành đồng bộ, tổ chức thực hiện quyết liệt, qua đó hệ thống hạ tầng từng bước được đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, phát triển kết cấu hạ tầng vẫn còn hạn chế về tính đồng bộ, tiến độ, chất lượng quy hoạch và hiệu quả khai thác, do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Từ đó, rút ra các kinh nghiệm chủ yếu: nhận thức đúng vai trò KCHT; vận dụng sáng tạo chủ trương của Đảng; phát huy quyết tâm chính trị trong tổ chức thực hiện; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; đồng thời nâng cao năng lực lãnh đạo, hiệu lực quản lý và vai trò giám sát xã hội. Những kinh nghiệm này là cơ sở thực tiễn quan trọng cho giai đoạn tiếp theo.

KẾT LUẬN

1. KCHT giữ vai trò nền tảng, là điều kiện trực tiếp cho phát triển sản xuất, lưu thông và nâng cao đời sống Nhân dân; đồng thời là một trong ba khâu đột phá chiến lược trong tiến trình CNH, HĐH đất nước. Đến nay, chưa có công trình khoa học lịch sử Đảng nào nghiên cứu Đảng bộ tỉnh lãnh đạo xây dựng KCHT như một đề tài nghiên cứu độc lập. Do đó, thực hiện đề tài luận án tiến sĩ ngành Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam: “Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo xây dựng KCHT từ năm 2010 đến năm 2020” có ý nghĩa khoa học và thực tiễn.

2. Quán triệt chủ trương của Trung ương, Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang đã xác định đúng đắn định hướng xây dựng KCHT qua từng giai đoạn. Nhiều nghị quyết, kết luận quan trọng được ban hành kịp thời, tạo cơ sở chính trị vững chắc để triển khai xây dựng hệ thống KCHT đồng bộ, phù hợp thực tiễn địa phương.

Quá trình lãnh đạo xây dựng KCHT đạt nhiều kết quả tích cực: nhận thức được nâng cao, chủ trương sát thực tiễn, tổ chức thực hiện quyết liệt; hệ thống KCHT từng bước đồng bộ, góp phần thúc đẩy phát triển KT - XH. Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế như đầu tư chưa đồng đều giữa các vùng, tiến độ một số dự án chậm, quy hoạch có lúc chưa theo kịp yêu cầu, hiệu quả khai thác chưa cao, nguồn lực còn hạn chế. Nguyên nhân xuất phát từ điều kiện tự nhiên khó khăn, nguồn lực hạn chế và năng lực quản lý của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu.

Từ thực tiễn lãnh đạo xây dựng KCHT những năm 2010 - 2020 của Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang, luận án đã rút ra một số kinh nghiệm cơ bản: *Một là*, nhận thức đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của xây dựng KCHT đối với sự nghiệp CNH, HĐH ở địa phương miền núi; *Hai là*, vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, xác định đúng nhiệm vụ trọng tâm, đề ra các chủ trương phù hợp, tạo sự đồng thuận xã hội trong xây dựng KCHT; *Ba là*, nâng cao quyết tâm chính trị trong lãnh đạo và tổ chức thực hiện; chủ động, năng động, sáng tạo trong tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; chủ động, năng động, sáng tạo trong tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. *Bốn là*, phát huy truyền thống đoàn kết và vai trò chủ thể của Nhân dân; đa dạng hóa các nguồn lực đầu tư, huy động tối đa nguồn vốn xã hội hóa; *Năm là*, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý nhà nước và phát huy vai trò của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội trong phát triển KCHT.

3. Luận án có đóng góp mới khi làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong lĩnh vực KCHT và sự đổi mới trong tư duy, phương thức lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh qua các giai đoạn.

4. Trong bối cảnh mới, trước yêu cầu đẩy mạnh CNH, HĐH, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, nhất là việc thay đổi đơn vị hành chính của tỉnh, địa dư mở rộng, hoạt động theo mô hình chính quyền địa phương hai cấp, việc xây dựng KCHT đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang hiện nay. Đảng bộ tỉnh cần tiếp tục hoàn thiện chủ trương phát triển KCHT đồng bộ, hiện đại; nâng cao chất lượng quy hoạch; đẩy mạnh huy động nguồn lực, nhất là xã hội hóa; tăng cường ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số; phát triển hạ tầng bền vững, gắn với bảo vệ môi trường và tăng cường liên kết vùng.

CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ

1. Phùng Thị Hà (2025), “*Phát triển giao thông nông thôn tỉnh Tuyên Quang: Từ chủ trương đúng dẫn đến chuyển biến trong thực tiễn*”, Tạp chí Cộng sản điện tử, 25/8/2025.
2. Phùng Thị Hà (2025), “*Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lãnh đạo phát triển kết cấu hạ tầng giao thông (2010 - 2020)*”, Tạp chí Lịch sử Đảng điện tử, 17/ 11/2025.
3. Bùi Hữu Thêm - Phùng Thị Hà (2026), “*Phát triển kết cấu hạ tầng trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Tuyên Quang: Chủ trương và kinh nghiệm*”, Tạp chí Cộng sản điện tử, 8/1/2026.